

Bản án số: 20/2018/HS-ST
Ngày 02-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lưu Văn Năm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Quyết

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thế Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2018/HSST ngày 14 tháng 9 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2018 và Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số 02/2018/TB-TA ngày 30 tháng 10 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Trần Thị N, sinh ngày 07-6-1981 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ M, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Bùi Thị T; có chồng là Phạm Văn N và 02 con, lớn sinh năm 2001 và nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 29-5-2018 đến ngày 01-6-2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Đoàn Văn C, sinh ngày 17-10-1991 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lễ tân nhà nghỉ; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Thế N và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Ngô Thị Thanh H (đã ly hôn) và 01 con, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 29-5-2018 đến ngày 01-6-2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Tòng Thị L, vắng mặt;
2. Chị Lò Thị B, vắng mặt;
3. Anh Đoàn Văn H, vắng mặt;
4. Anh Nguyễn Văn N, vắng mặt;
5. Anh Cao Văn V, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 29-5-2018, Đoàn Văn H, sinh năm 1980 ở thôn Đ, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng và Nguyễn Văn N, sinh năm 1983 ở thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên rủ nhau đến Đồ Sơn chơi, vào nhà nghỉ Nguyệt Thu thuê phòng và được Đoàn Văn C là lễ tân nhà nghỉ sắp xếp H ở phòng 207 và N ở phòng 208. Khoảng 20 giờ 40 phút cùng ngày, H và N đi ăn uống xong rồi về nhà nghỉ Nguyệt Thu. Lúc này, N nảy sinh nhu cầu mua dâm nên đi đến quầy lễ tân để hỏi C còn H đi một mình về phòng 207. N nói với C *“tìm cho một em gái bán dâm”* thì C nói *“một lần mua dâm với gái bán dâm là 150.000 đồng trong thời gian một giờ, thanh toán tiền khi trả phòng”*, N đồng ý. Sau đó, C bảo Tòng Thị L là nhân viên dọn phòng của nhà nghỉ Nguyệt Thu vào bán dâm cho N tại phòng 208. Tại phòng 207, H thấy Lò Thị B đang dọn phòng thì nảy sinh ý định mua dâm với B nên H nói với B nếu B bán dâm cho H thì H sẽ trả cho B 150.000 đồng, vì muốn kiếm thêm tiền nên B đồng ý bán dâm cho H, không nói cho quản lý nhà nghỉ là Trần Thị N và lễ tân là C biết. Khi cả bốn người đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì lực lượng Công an kiểm tra bắt quả tang vào hồi 21 giờ 10 phút ngày 29-5-2018 và thu giữ 02 bao cao su nhãn hiệu Doctor đã qua sử dụng.

Bản Cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đã truy tố bị cáo Trần Thị N và Đoàn Văn C về tội Chứa mại dâm theo quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội chứa mại dâm, các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Đây là vụ án có đồng phạm nhưng ở mức giản đơn, N là người kinh doanh nhà nghỉ và khi Tòng Thị L chủ động đề xuất việc bán dâm thì N đồng ý, sau đó N nói với C sắp xếp phòng khi có người mua dâm, vì C là người làm thuê cho N nên C nghe và làm theo lời N, vì vậy vai trò của bị cáo N cao hơn bị cáo C và phải chịu mức hình phạt nặng hơn. Sau khi phạm tội các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, có

nơi cư trú rõ ràng; bị cáo N đang bị bệnh hiểm nghèo, bị cáo C đã tham gia và hoàn thành nghĩa vụ quân sự; gia đình, tổ dân phố, Hội phụ nữ nơi các bị cáo cư trú và sinh hoạt có đơn bảo lãnh, đề nghị cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thị N từ 18 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng; xử phạt bị cáo Đoàn Văn C từ 12 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung, vì các bị cáo không có tài sản riêng, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 02 (Hai) phong bì niêm phong bao cao su đã qua sử dụng.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, buộc các bị cáo N, C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố. Các bị cáo biết rõ hành vi phạm tội của mình là sai, là vi phạm pháp luật, rất ăn năn hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo N, C tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, sơ đồ hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Vào hồi 21 giờ 10 phút ngày

29-5-2018, tại Nhà nghỉ Nguyệt Thu, Khu II, phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Trần Thị N và Đoàn Văn C có hành vi chứa Tòng Thị L bán dâm cho Nguyễn Văn N tại phòng 208 do N quản lý để hưởng lợi. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Trần Thị N và Đoàn Văn C phạm tội Chứa mại dâm theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự. Đối với việc mua bán dâm của Lò Thị B và Đoàn Văn H, giữa N, C và B không thỏa thuận từ trước và tại thời điểm B bán dâm cho H thì N, C không biết nên N và C không phải chịu trách nhiệm.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã rõ, xâm hại đến trật tự công cộng, đến đạo đức xã hội, nếp sống văn minh, đồng thời làm ảnh hưởng sức khỏe của con người và còn là nguyên nhân gây ra các loại bệnh xã hội, gây dư luận xấu trên địa bàn. Do vậy, cần xử lý nghiêm để giáo dục cải tạo các bị cáo, đồng thời có tác dụng giáo dục chung đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Xét vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm nhưng giản đơn, N là người kinh doanh nhà nghỉ và khi Tòng Thị L chủ động đề xuất việc bán dâm, vì hám lời nên N đồng ý, sau đó N nói với C sắp xếp phòng khi có người mua dâm, C là người làm thuê cho N nên C nghe và làm theo lời N. Vì vậy, bị cáo N giữ vai trò thứ nhất và bị cáo C đứng vai trò thứ hai.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo N đang điều trị bệnh ung thư, bị cáo C đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự năm 2016; gia đình, tổ dân phố, Hội phụ nữ nơi các bị cáo cư trú, sinh hoạt có đơn bảo lãnh và đề nghị cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú; không vi phạm các điều mà pháp luật cấm; chưa bao giờ bị kết án, bị xử lý vi phạm hành chính, có nơi cư trú rõ ràng, nhất thời phạm tội và có khả năng tự cải tạo. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đưa ra các chứng cứ buộc tội, các điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự, đề nghị áp dụng cho các bị cáo được hưởng án treo là phù hợp và có căn cứ nên cũng cần xem xét, không nhất thiết phải bắt các bị cáo phải cách ly xã hội mà chỉ cần xử cho các bị cáo được hưởng án treo, cũng đủ tác dụng, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện, hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo khó khăn, không có tài sản riêng nên không áp dụng.

- Về xử lý vật chứng:

[7] 02 (Hai) phong bì niêm phong chứa bao cao su nhãn hiệu Doctor đã qua sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- Về vấn đề khác:

[8] Đối với những người thực hiện hành vi mua bán dâm là Đoàn Văn H, Nguyễn Văn N, Tòng Thị L, Lò Thị B. Cơ quan Công an đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền là đúng quy định.

- Về án phí:

[9] Bị cáo N, C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trần Thị N *21 (Hai mươi mốt)* tháng tù cho hưởng án treo về tội “Chứa mại dâm”. Thời gian thử thách là *42 (Bốn mươi hai)* tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo,

Giao bị cáo Trần Thị N cho Ủy ban nhân dân phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đoàn Văn C *15 (Mười lăm)* tháng tù cho hưởng án treo về tội “Chứa mại dâm”. Thời gian thử thách là *30 (Ba mươi)* tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo,

Giao bị cáo Đoàn Văn C cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu tiêu hủy: 02 (Hai) phong bì niêm phong chứa bao cao su nhãn hiệu Doctor đã qua sử dụng (*Đặc điểm các vật chứng theo Biên bản bàn giao đồ*

vật, tài sản bị tạm giữ ngày 13 tháng 9 năm 2018, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Đồ Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án,

Buộc bị cáo N, C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Phòng Cảnh sát THAHS và HTTP;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Đồ Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Năm